TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Trần Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mã Tấn G, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/03/2021 nguyên đơn ông Mã Tấn G trình bày: Ông và bà Trần Thị Kim D chung sống với nhau từ năm 1982 tại khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà D thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông và bà D đã sống ly thân từ năm 1996. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị Kim D.

Về con chung: Ông và bà D chung sống có ba đứa con tên Mã Khắc P, sinh ngày 12/12/1984, giới tính nam (đã chết), Mã Tố T, sinh ngày 10/5/1986, giới tính

nữ và Mã Tố N, sinh ngày 08/7/1989, giới tính nữ, hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn bà Trần Thị Kim D trình bày: Bà và ông Mã Tấn G chung sống với nhau từ năm 1982 tại phường C, thành phố T nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 1996. Nay ông G xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông G chung sống có ba đứa con tên Mã Khắc P, sinh ngày 12/12/1984, giới tính nam (đã chết), Mã Tố T, sinh ngày 10/5/1986, giới tính nữ và Mã Tố N, sinh ngày 08/7/1989, giới tính nữ, hiện nay các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân ông G và bà D chung sống với nhau từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông G xin ly hôn bà D đồng ý ly hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000" thì hôn nhân của ông Mã Tấn G và bà Trần Thị Kim D là hôn nhân hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Mã Tấn G được ly hôn với bà Trần Thị Kim D; Về con chung ông, bà chung sống có ba đứa con tên Mã Khắc P, sinh ngày 12/12/1984, giới tính nam (đã chết), Mã Tố T, sinh ngày 10/5/1986, giới tính nữ và Mã Tố N, sinh ngày 08/7/1989, giới tính nữ, các con đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí ông G là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Trần Thị Kim D cư trú tại khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Mã Tấn G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mã Tấn G và bà Trần Thị Kim D chung sống với nhau từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Theo khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung"*, nên hôn nhân giữa ông G và bà D là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân không còn yêu thương chăm sóc cho nhau nữa, đã bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, ông G xin ly hôn bà D đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghị cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông G và bà D chung sống có ba đứa con tên Mã Khắc P, sinh ngày 12/12/1984, giới tính nam (đã chết), Mã Tố T, sinh ngày 10/5/1986, giới tính nữ và Mã Tố N, sinh ngày 08/7/1989, giới tính nữ, các con ông bà đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông G là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Mã Tấn G được ly hôn với bà Trần Thị Kim D.

2. Về con chung: Các con của ông bà đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông G được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Mã Tấn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009332 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên